**IFRIC 17**

**PHÂN PHỐI TÀI SẢN PHI TIỀN TỆ CHO CHỦ SỞ HỮU**

Vào tháng 11 năm 2008, Ủy ban Chuẩn mực Kế toán Quốc tế đã ban hành IFRIC 17 *Phân phối Tài sản phi tiền tệ* *cho chủ sở hữu*, được xây dựng bởi Ủy ban Diễn giải.

Cơ sở cho các kết luận về IFRIC 17 đã được sửa đổi để phù hợp với IFRS 9 *Công cụ tài chính* (ban hành tháng 7 năm 2014).

Các chuẩn mực khác đã có những thay đổi nhỏ để phù hợp với IFRIC 17, bao gồm IFRS 10 *Báo cáo tài chính hợp nhất* (ban hành tháng 5 năm 2011), IFRS 13 *Đo lường giá trị hợp lý* (ban hành tháng 5 năm 2011) và *Các thay đổi đối với các tham chiếu đến Khuôn khổ khái niệm trong các chuẩn mực lập và trình bày báo cáo tài chính quốc tế* (ban hành tháng 3 năm 2018).

MỤC LỤC

**IFRIC 17**

**PHÂN PHỐI TÀI SẢN PHI TIỀN TỆ CHO CHỦ SỞ HỮU**

Từ đoạn

**THAM CHIẾU (CÁC CHUẨN MỰC LIÊN QUAN)**

**BỐI CẢNH 1**

**PHẠM VI 3**

**VẤN ĐỀ 9**

**CÁC THỎA THUẬN 10**

**Thời điểm ghi nhận cổ tức phải trả 10**

**Xác định giá trị cổ tức phải trả 11**

**Ghi nhận kế toán cho sự chênh lệch giữa giá trị còn lại của
tài sản được phân phối và giá trị ghi sổ của cổ tức phải**

**trả khi đơn vị thanh toán cổ tức 14**

**Trình bày và công bố 15**

**NGÀY CÓ HIỆU LỰC 18**

**PHỤ LỤC**

**Sửa đổi IFRS 5 - *Tài sản dài hạn nắm giữ để bán và hoạt động bị chấm dứt* và IAS 10 *Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ báo cáo***

|  |
| --- |
| CÁC HƯỚNG DẪN ĐÍNH KÈM ĐƯỢC LIỆT KÊ DƯỚI ĐÂY, XEM PHẦN B CỦA PHIÊN BẢN NÀY |

VÍ DỤ MINH HOẠ

|  |
| --- |
| CƠ SỞ KẾT LUẬN, XEM PHÀN C CỦA PHIÊN BẢN NÀY  |

CƠ SỞ KẾT LUẬN

IFRIC Diễn giải 17 *Phân phối tài sản phi tiền tệ cho chủ sở hữu* (IFRIC 17) bao gồm các đoạn từ 1 tới 20 và Phụ lục. IFRIC 17 có các ví dụ minh họa và Cơ sở Kết luận được đính kèm theo. Phạm vi và tính bắt buộc của các diễn giải được nêu trong *Lời nói đầu cho các chuẩn mực IFRS*.

**IFRIC Diễn giải 17**

***Phân phối tài sản phi tiền tệ cho chủ sở hữu***

**Tham chiếu**

• IFRS 3 *Hợp nhất kinh doanh* (sửa đổi năm 2008)

• IFRS 5 *Tài sản dài hạn nắm để bán và hoạt động bị chấm dứt*

• IFRS 7 *Công cụ tài chính: Công bố*

• IFRS 10 *Báo cáo tài chính hợp nhất*

• IFRS 13 *Đo lường* *Giá trị hợp lý*

• IAS 1 *Trình bày Báo cáo tài chính* (sửa đổi năm 2007)

• IAS 10 *Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ báo cáo*

**Bối cảnh**

1. Đôi khi đơn vị chia cổ tức cho chủ sở hữu[[1]](#footnote-2), những người hoạt động với tư cách là nhà đầu tư, không phải bằng các tài sản không phải là tiền (tài sản phi tiền tệ) . Trong những tình huống đó, đơn vị cũng có thể cho các chủ sở hữu lựa chọn nhận tài sản phi tiền tệ hoặc nhận tiền thay cho tài sản. Uỷ ban Diễn Giải các chuẩn mực lập và trình bày báo cáo tài chính quốc tế được yêu cầu cung cấp hướng dẫn kế toán cho các cách phân phối này.
2. Các Chuẩn mực lập và trình bày báo cáo tài chính quốc tế (IFRSs) không cung cấp hướng dẫn về cách đơn vị nên đo lường giá trị phân phối cho chủ sở hữu (thường được gọi là cổ tức) như thế nào. IAS 1 yêu cầu đơn vị trình bày chi tiết các khoản cổ tức được ghi nhận là phân phối cho chủ sở hữu trong báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu hoặc trong thuyết minh báo cáo tài chính.

**Phạm vi**

1. Diễn giải này áp dụng cho các dạng phân phối một chiều tài sản của đơn vị cho các chủ sở hữu hoạt động với tư cách là nhà đầu tư như sau:
2. phân phối tài sản phi tiền tệ (ví dụ: các khoản mục bất động sản, nhà xưởng và thiết bị, lĩnh vực kinh doanh như được định nghĩa trong IFRS 3, các lợi ích chủ sở hữu trong đơn vị khác hoặc các nhóm thanh lý như định nghĩa trong IFRS 5); và
3. phân phối cho phép chủ sở hữu lựa chọn nhận tài sản phi tiền tệ hoặc nhận tiền thay cho tài sản.
4. Diễn giải này chỉ áp dụng cho các phân phối mà trong đó tất cả các chủ sở hữu của cùng một loại công cụ vốn chủ sở hữu được đối xử bình đẳng như nhau.
5. Diễn giải này không áp dụng cho việc phân phối một tài sản phi tiền tệ mà không có sự thay đổi trước và sau khi phân phối về bên hoặc các bên có quyền kiểm soát cuối cùng đối với tài sản đó. Việc loại trừ này áp dụng cho các báo cáo tài chính riêng và hợp nhất của đơn vị thực hiện việc phân phối đó.
6. Theo đoạn 5, Diễn giải này không áp dụng khi tài sản phi tiền tệ mà không có sự thay đổi trước và sau khi phân phối về các bên có quyền kiểm soát cuối cùng đối với tài sản đó. Theo đoạn B2 của IFRS 3 "Một nhóm các cá nhân sẽ được coi là kiểm soát một đơn vị khi: do kết quả của các thỏa thuận hợp đồng, họ có quyền giám sát các chính sách tài chính và chính sách hoạt động của đơn vị để nhận được lợi ích từ các hoạt động của đơn vị đó". Do đó, để một phân phối nằm ngoài phạm vi của Diễn giải này vì không có sự thay đổi trước và sau khi phân phối về các bên có quyền kiểm soát cuối cùng đối với tài sản đó, một nhóm cổ đông cá nhân nhận phân phối phải có, theo kết quả của các thỏa thuận hợp đồng, tập hợp quyền lực tối cao đối với đơn vị tiến hành sự phân phối đó.
7. Theo đoạn 5, Diễn giải này không áp dụng khi một đơn vị phân phối một số lợi ích chủ sở hữu của nó trong một công ty con nhưng vẫn giữ quyền kiểm soát công ty con. Đơn vị thực hiện phân phối dẫn đến việc đơn vị ghi nhận lợi ích cổ đông không kiểm soát trong công ty con sẽ kế toán cho việc phân phối này theo IFRS 10.
8. Diễn giải này xử lý vấn đề kế toán tại đơn vị thực hiện phân phối tài sản phi tiền tệ. Diễn giải này không xử lý vấn đề kế toán của các cổ đông nhận các phân phối này.

**Các vấn đề**

1. Khi một đơn vị tuyên bố về việc phân phối và có nghĩa vụ phân phối các tài sản liên quan cho chủ sở hữu, đơn vị phải ghi nhận nghĩa vụ nợ đối với khoản cổ tức phải trả. Do đó, Diễn giải này giải quyết các vấn đề sau:
2. Thời điểm đơn vị nên ghi nhận cổ tức phải trả.
3. Cách đơn vị xác định giá trị cổ tức phải trả.
4. Khi đơn vị thanh toán cổ tức phải trả, cách thức đơn vị ghi nhận chênh lệch giữa giá trị còn lại của tài sản được phân phối và giá trị ghi sổ của cổ tức phải trả.

**Các thỏa thuận**

**Thời điểm ghi nhận cổ tức phải trả**

1. Nợ phải trả cổ tức sẽ được ghi nhận khi cổ tức được phê chuẩn một cách phù hợp và không còn thuộc thẩm quyền quyết định của đơn vị chi trả nữa, đó là ngày:
2. Việc công bố cổ tức, ví dụ bởi Hội đồng quản trị hoặc ban giám đốc, được phê duyệt bởi bên có thẩm quyền liên quan, ví dụ các cổ đông, nếu có yêu cầu phải phê duyệt, hoặc
3. cổ tức được công bố, ví dụ bởi Hội đồng quản trị hoặc ban giám đốc, nếu không có yêu cầu việc công bố này phải được phê duyệt.

**Xác định giá trị cổ tức phải trả**

1. Đơn vị sẽ xác định giá trị nghĩa vụ nợ theo giá trị hợp lý của tài sản sẽ được phân phối khi phân phối tài sản phi tiền tệ như là một loại cổ tức cho chủ sở hữu.
2. Nếu đơn vị để chủ sở hữu lựa chọn nhận tài sản phi tiền tệ hoặc một khoản tiền thay cho tài sản, thì đơn vị cần ước tính cổ tức phải trả bằng cách xem xét cả giá trị hợp lý của từng phương án và xác suất chủ sở hữu chọn từng phương án.
3. Vào cuối mỗi kỳ báo cáo và tại ngày thanh toán, đơn vị sẽ xem xét và điều chỉnh giá trị ghi sổ của cổ tức phải trả, ghi nhận bất kỳ thay đổi nào về giá trị ghi sổ của cổ tức phải trả vào vốn chủ sở để điều chỉnh cho số tiền phân phối.

**Kế toán cho sự chênh lệch giữa giá trị còn lại của tài sản được phân phối và giá trị ghi sổ của cổ tức phải trả khi đơn vị thanh toán cổ tức**

1. Khi đơn vị thanh toán cổ tức phải trả, đơn vị sẽ ghi nhận chênh lệch, nếu có, giữa giá trị còn lại của tài sản được phân phối và giá trị ghi sổ của cổ tức phải trả trong báo cáo lãi/lỗ.

**Trình bày và công bố**

1. Đơn vị sẽ trình bày khoản chênh lệch được mô tả trong đoạn 14 bằng một dòng tách biệt trên báo cáo lãi/lỗ.
2. Đơn vị sẽ công bố các thông tin sau, nếu phù hợp:
3. giá trị ghi sổ của cổ tức phải trả vào đầu và cuối kỳ báo cáo; và
4. sự tăng hoặc giảm của giá trị ghi sổ được ghi nhận trong kỳ báo cáo theo đoạn 13 do kết quả của sự thay đổi giá trị hợp lý của các tài sản được phân phối.
5. Nếu, sau khi kết thúc kỳ báo cáo nhưng trước khi báo cáo tài chính được ký phát hành, đơn vị công bố cổ tức phân phối bằng tài sản phi tiền tệ, thì đơn vị sẽ công bố:
6. bản chất của tài sản được phân phối;
7. giá trị còn lại của tài sản sẽ được phân phối vào cuối kỳ báo cáo; và
8. giá trị hợp lý của tài sản được phân phối vào cuối kỳ báo cáo, nếu khác với giá trị còn lại, và thông tin về (các) phương pháp được sử dụng để đo lường giá trị hợp lý đó theo đoạn 93 (b), (d), (g) và (i) và 99 của IFRS 13.

**Ngày có hiệu lực**

1. Đơn vị sẽ áp dụng Diễn giải này trong tương lai cho các kỳ báo cáo hàng năm bắt đầu vào hoặc sau ngày 1 tháng 7 năm 2009. Đơn vị không được phép áp dụng hồi tố. Đơn vị được phép áp dụng trước ngày có hiệu lực. Nếu đơn vị áp dụng Diễn giải này cho kỳ báo cáo bắt đầu trước ngày 1 tháng 7 năm 2009, đơn vị phải công bố việc áp dụng trước này đồng thời áp dụng IFRS 3 (sửa đổi năm 2008), IAS 27 (sửa đổi vào tháng 5 năm 2008) và IFRS 5 (được sửa đổi bởi Diễn giải này).
2. IFRS 10, được ban hành vào tháng 5 năm 2011, sửa đổi đoạn 7. Đơn vị sẽ áp dụng sửa đổi đó khi áp dụng IFRS 10.
3. IFRS 13, được ban hành tháng 5 năm 2011, sửa đổi đoạn 17. Đơn vị sẽ áp dụng sửa đổi đó khi áp dụng IFRS 13.

**Phụ lục**

**Sửa đổi IFRS 5 *Tài sản dài hạn nắm giữ để bán và hoạt động bị chấm dứt*  và IAS 10** ***Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ báo cáo***

*Các sửa đổi có trong phụ lục này khi Diễn giải này được ban hành năm 2008 đã được đưa vào IFRS 5 và IAS 10 như được công bố trong tập này.*

1. Đoạn 7 của IAS 1 định nghĩa chủ sở hữu là người nắm giữ công cụ tài chính được phân loại là vốn chủ sở hữu. [↑](#footnote-ref-2)